

THÔNG TƯ

Quy định về việc tạo lập sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 51/2024/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 164/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về việc tạo lập sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này quy định về việc tạo lập và sử dụng sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử đối với người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

b) Thông tư này không áp dụng về việc tạo lập sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử đối với người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cá nhân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (gọi chung là người tham gia).
- b) Người sử dụng lao động, cơ quan, tổ chức quản lý người tham gia (gọi chung là đơn vị).
- c) Tổ chức và cá nhân thuộc hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam.
- d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Đơn vị, người tham gia thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và nhận kết quả giải quyết tại kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị, người tham gia.
2. Việc tạo lập sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử phải thực hiện bằng phương tiện điện tử bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
3. Nội dung ghi trên sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử phải trùng khớp với thông tin lưu trữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm. Các thông tin trên sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử khi có thay đổi, điều chỉnh theo đề nghị của đơn vị, người tham gia hoặc giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp phải được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm kịp thời, đúng quy định.

Điều 3. Sổ bảo hiểm xã hội bản điện tử

1. Sổ bảo hiểm xã hội bản điện tử theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 164/2025/NĐ-CP do cơ quan bảo hiểm xã hội tạo lập bằng phương tiện điện tử từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm theo mã số bảo hiểm xã hội duy nhất; được lưu trữ, cập nhật thường xuyên tại kho quản lý dữ liệu điện tử của người tham gia và được tích hợp với tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức độ 2, tài khoản bảo hiểm xã hội số (VssID).
2. Sổ bảo hiểm xã hội bản điện tử chứa đựng thông tin đầy đủ như sổ bảo hiểm xã hội bản giấy.

Điều 4. Thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử

1. Thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP do cơ quan bảo hiểm xã hội lập bằng phương tiện điện tử từ Cơ

sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm theo mã số bảo hiểm xã hội duy nhất; được lưu trữ, cập nhật thường xuyên tại kho quản lý dữ liệu điện tử của người tham gia và được tích hợp với tài khoản bảo hiểm xã hội số (VssID), liên kết với tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức độ 2.

2. Thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử chứa đựng thông tin theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

Điều 5. Phương pháp tạo lập sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử

1. Trách nhiệm của đơn vị, người tham gia

a) Kê khai, nộp hồ sơ đăng ký tham gia, điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bằng phương thức giao dịch điện tử theo quy định tại Điều 28, Điều 29 Luật Bảo hiểm xã hội; Điều 17 Luật Bảo hiểm y tế và Điều 14, Điều 15, Điều 17 Nghị định số 143/2024/NĐ-CP quy định về bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.

b) Đóng tiền đầy đủ, kịp thời, đúng quy định theo Điều 33, Điều 34 Luật Bảo hiểm xã hội; Điều 13, Điều 15 Luật Bảo hiểm y tế và Điều 11 Nghị định số 143/2024/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội

a) Tiếp nhận, cập nhật, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính, dịch vụ công về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và tiền đóng của đơn vị, người tham gia vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

b) Ghi nhận, xác thực sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm và trả kết quả vào kho quản lý dữ liệu điện tử, hòm thư điện tử (Email) của người tham gia.

c) Trả danh sách tham gia và kết quả đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bản điện tử vào kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị.

Điều 6. Sử dụng sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử

1. Người tham gia truy cập ứng dụng Định danh điện tử quốc gia (VNeID) mức độ 2 hoặc ứng dụng Bảo hiểm xã hội số (VssID) hoặc hòm thư điện tử (Email) nhận và sử dụng sổ bảo hiểm xã hội bản điện tử để giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; sử dụng thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử để

khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và thanh toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

2. Cơ quan, tổ chức thực hiện giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật không yêu cầu cung cấp sổ bảo hiểm xã hội bản giấy khi người tham gia nộp sổ bảo hiểm xã hội bản điện tử.

3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế không yêu cầu người tham gia cung cấp thẻ bảo hiểm y tế bản giấy khi khám bệnh, chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử và có trách nhiệm tra cứu giá trị sử dụng thẻ bảo hiểm y tế trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam

a) Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành các quy trình nghiệp vụ, phân cấp, hướng dẫn cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

b) Xây dựng, quản lý, vận hành phần mềm nghiệp vụ, hệ thống thông tin, bảo mật thông tin trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bảo đảm an toàn, hiệu quả;

Thực hiện cung cấp thông tin về việc đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bằng phương tiện điện tử.

c) Xây dựng biểu mẫu dưới dạng biểu mẫu điện tử (E-form) và các thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu điện tử khi thực hiện Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trình Bộ Tài chính ban hành.

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bảo hiểm xã hội cơ sở hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến đến đơn vị, người tham gia thực hiện theo quy định tại Thông tư này và theo hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và người tham gia chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung của Thông tư này.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Sổ bảo hiểm xã hội bản giấy chưa được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội và chưa được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm thì cơ quan bảo hiểm xã hội phải cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm để làm cơ sở giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội.

2. Thẻ bảo hiểm y tế của người tham gia đang thể hiện trên ứng dụng Bảo hiểm xã hội số (VssID) được cơ quan bảo hiểm xã hội cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục có giá trị pháp lý như bản giấy và được quản lý, sử dụng theo quy định tại Thông tư này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2026.
2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để hướng dẫn giải quyết. /-102✓

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Hội đồng dân tộc của Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương các Hội, Đoàn thể;
- HĐND, UBND các cấp;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Nội vụ, Thuế các tỉnh, thành phố;
- BHXH các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, BHXH (100 bản)✓

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Tấn Cận